TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST Ngày: 02-6-2020. V/v**:** "Ly hôn giữa bà C và ông H".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Ông Păng Ting Nôck

2-Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngoc Phú- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên– Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33 /2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Bích C. Hộ khẩu thường trú: số 115 đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở hiện nay: Số 46 đường Hàn T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Ông Lê Văn H. Hộ khẩu thường trú: số 115 đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở hiện nay: Số 46 đường Hàn T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Bích C trình bày: Bà và ông H kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà chung sống và làm nghề nhiều nơi.

Cuộc sống chung của hai vợ chồng hòa thuận được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thường xuyên uống rượu về gây gổ và đánh đập bà, gia đình đã khuyên can nhưng ông H không thay đổi, bà đã một lần xin ly hôn sau vì con bà rút đơn, nhưng ông H cũng không thay đổi. Nay bà không thể chấp nhận bạo lực gia đình, ảnh hưởng đến con cái, bà cảm thấy không thể chịu đựng được nữa. Bà yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung:Vợ chồng có 01con chung tên Lê Tuấn K, sinh 14/05/2007, bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có.

Theo các tài liêu thể hiện tại hồ sơ và quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Văn H trình bày: Về thời gian kết hôn là đúng như bà C đã trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, ông thừa nhận uống rượu có đánh vợ một lần duy nhất, không thường xuyên như bà C khai. Nay bà C yêu cầu ly hôn ông thấy cuộc sống chung vợ chồng vẫn có thể hàn gắn, vẫn còn tình cảm với nhau nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Do chưa đồng ý ly hôn nên không có ý kiến.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có.

Tại phiên tòa các đương sự không thay đổi, bổ sung yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, của những người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Bích C, cho ly hôn giữa bà Lê Bích C và ông Lê Văn H. Về con chung: Giao con chung tên Lê Tuấn K cho bà Lê Bích C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Về cấp dương nuôi con bà C không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không có tranh chấp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tung tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Bà Lê Bích C, có đơn khởi kiện ông Lê Văn H, yêu cầu xin ly hôn và nuôi con, ông ông Lê Văn H không đồng ý ly hôn và không có ý kiến về việc nuôi con, nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn và quyền nuôi con" theo qui định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Lê Văn H có Địa chỉ: Số 46 đường Hàn T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Lê Bích C và ông ông Lê Văn H kết hôn vào năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Bích C và ông Lê Văn H tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, qua các tài liệu thể hiện tại hồ sơ và ý kiến tranh tụng tại phiên tòa mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật, nguyên nhân là do ông H hay uống rượu về gây gổ, đánh đập bà C. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử động viên bà C trở lại hằn gắn tình cảm vợ chồng với ông H, nhưng bà C vẫn yêu cầu được ly hôn. Ông H yêu cầu đoàn tụ nhưng không có giải pháp nào để tìm cách hằn gắn tình cảm với bà bà C. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được mà còn ảnh hưởng đến con cái, Nên yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Bích C là có căn cứ. Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Bích C cho ly hôn Lê Bích C và ông ông Lê Văn H.

[3] Về con chung: Giữa bà Lê Bích C và ông ông Lê Văn H có 01 con tên Lê Tuấn K, sinh 14/05/2007. Ly hôn, bà C yêu cầu nuôi con. Xét cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên là phù hợp với qui định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên không đề cập

[4] Về tài sản chung: Hai bên xác định không có tranh chấp nên không đề cập.

[5] Về nợ chung : Hai bên xác định không có nên không đề cập

[6] Về án phí: Lê Bích C, phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa bà Lê Bích C và ông ông Lê Văn H.

2. Về quyền nuôi con: Giao con chung tên Lê Tuấn K, sinh 14/05/2007 cho cho bà Lê Bích C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4- Về án phí: Bà Lê Bích C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số AAA/2016/0017121 ngày09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

5- Về quyền kháng cáo: Bà Lê Bích C, ông Lê Văn H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh L (02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND Phường D tp. Đ ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đà Lạt;
- UBND Phường 4, tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Tuyết Nga